TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 5 - 2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
2. Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp *"*Hôn nhân và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Hồng H** – sinh ngày: 01/01/1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** - sinh năm: 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Hồng H có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 bà Trần Hồng H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Vũng Liêm. Sau ngày cưới vợ chồng bà sống chung gia đình cha mẹ ruột của ông T. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 27 năm đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T ghen tuông vô cớ, vợ chồng không hợp tính tình thường hay cự cải, ông T không quan tâm đến bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà và ông T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/7/1998. Anh L đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay ông T có mặt: ông T có ý kiến về quan hệ hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn với bà H do vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/7/1998. Anh L đã thành niên, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà H và bị đơn ông T, ông T có nơi cư trú tại ấp An Phước, xã Trung An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn bà H có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Vũng Liêm vào ngày 28/8/1996 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo bà H trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 27 năm đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ghen tuông vô cớ, vợ chồng không hợp tính tình thường hay cự cải, ông T không quan tâm đến bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H và ông T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Ông T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng bà H và ông T đã

không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian Tòa án thụ lý từ ngày 18/01/2024 đến nay ông T cũng không biết bà H sinh sống ở đâu và cũng không có liên lạc với bà H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông T có một con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/7/1998. Anh L đã thành niên, bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Hồng H.

Về hôn nhân: Cho bà Trần Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Trần Hồng H và ông Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/7/1998. Anh Nguyễn Khánh L đã thành niên, bà Trần Hồng H , ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trần Hồng H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Trần Hồng H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Trần Hồng H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Trần Hồng H đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008734, ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Trần Hồng H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh